

Bản án số: 34/2024/DS-ST  
Ngày: 24-6-2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Cương  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu  
Ông Nguyễn Văn Trình

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68 ngày 13/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số B đường H, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A đường Đ, tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Phương T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A đường Đ, tổ F phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/4/2024, tại bản tự khai ngày 26/4/2024, các biên bản hòa giải ngày 26/4/2024, ngày 10/5/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị M trình bày:

Vào ngày 26/5/2023 vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 có đặt vấn đề vay của bà Mai Thị M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), vợ chồng ông T, bà T1 nói với bà M là vay tiền để đi thăm con ở Nhật Bản. Vợ chồng ông T, bà T1 hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả, nếu chưa trả được thì gia hạn thêm 01

tháng. Tin tưởng vợ chồng ông T, bà T1 nên bà M đồng ý cho vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Khi vay tiền có mặt cả ông T và bà T1, ông T là người viết “giấy mượn tiền” của bà M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), do tin tưởng nên bà M không phát hiện ra trên giấy mượn tiền chỉ có mình ông T ký. Khi đến hạn bà M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả tiền nhưng ông T, bà T1 chỉ mới trả cho bà M được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) bà M đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông T, bà T1 vẫn chưa trả cho bà M.

Do đó, bà Mai Thị M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 phải trả cho bà Mai Thị M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà M không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2024 và tại phiên hòa giải ngày 26/4/2024, ngày 10/5/2024 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và tình hình khủng hoảng kinh tế nên việc làm ăn của gia đình ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 gặp nhiều khó khăn. Do cần tiền để làm ăn và trả nợ Ngân hàng nên vào ngày 26/5/2023 vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Huỳnh Thị Phương T1 có vay của bà Mai Thị M số tiền 200.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng. Khi vay tiền ông T là người viết giấy mượn tiền của bà M với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả, nếu chưa trả được thì gia hạn thêm 01 tháng, tại giấy mượn tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Đến khoảng tháng 9/2023 vợ chồng ông T, bà T1 đã trả cho bà Mai Thị M số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Trong thời gian vay tiền của bà M, vợ chồng ông T, bà T1 đã thực hiện việc trả lãi cho bà M đến tháng 1/2024, từ tháng 1/2024 cho đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông chưa trả được gốc và lãi cho bà M. Ông Nguyễn Thanh T xác nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà Mai Thị M số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Nay bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì ông Nguyễn Thanh T đồng ý trả cho bà M. Tuy nhiên hiện nay gia đình ông T, bà T1 đang gặp khó khăn về kinh tế và hiện vợ chồng ông đang còn nợ một số người khác, nên ông T xin được trả dần số tiền 150.000.000 đồng này cho bà M trong vòng 2,5 năm cụ thể: Cuối năm 2024 trả 50.000.000 đồng, Năm 2025 trả 50.000.000 đồng, năm 2026 trả 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương T1 vắng mặt tại phiên tòa, theo bản tự khai ngày 15/4/2024, phiên hòa giải ngày 26/4/2024, ngày 10/5/2024 bà Huỳnh Thị Phương T1: Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Thanh T và xác nhận hiện vợ chồng

bà T1, ông T còn nợ bà Mai Thị M số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và xin được trả dần số tiền này cho bà M.

Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2024, các bên đương sự đã thống nhất với nhau về số tiền nợ, phương án trả nợ, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên sau đó bà Mai Thị M thay đổi ý kiến, không đồng ý với phương thức trả nợ thành nhiều lần của ông T, bà T1.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn bà Mai Thị M và bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy mượn tiền ngày 26/5/2023. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Huỳnh Thị Phương T1 có địa chỉ tại số nhà A đường D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Phương T1 vắng mặt, tuy nhiên đây là phiên tòa mở lần thứ 2 và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T1, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị Phương T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 phải trả cho bà số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 xác định còn nợ bà M số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn và vợ chồng ông T, bà T1 đang còn nợ một số người khác nên ông T, bà T1 xin được trả dần.

Xét yêu cầu của các đương sự qua xem xét ý kiến trình bày, lời khai của các đương sự trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa cả nguyên đơn và

bị đơn đều thừa nhận, vào ngày 26/5/2023, nguyên đơn bà **Mai Thị M** đã cho bị đơn ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Huỳnh Thị Phương T1** vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), khi vay tiền ông **T** là người viết “giấy mượn tiền”. Theo thỏa thuận, thời hạn vay là 01 tháng, nếu chưa trả được thì gia hạn thêm 01 tháng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà **M** đã nhiều lần yêu cầu ông **T**, bà **T1** trả nợ, ông **T**, bà **T1** chỉ mới trả được cho bà **M** số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), còn lại số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) ông **T**, bà **T1** chưa trả cho bà **M**. Do đó, bà **M** yêu cầu Tòa án buộc ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Huỳnh Thị Phương T1** phải trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) mà ông **T**, bà **T1** đã vay. Bị đơn ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Huỳnh Thị Phương T1** xác nhận hiện nay còn nợ bà **M** số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tuy nhiên do tình hình làm ăn gặp khó khăn, bản thân ông **T**, bà **T1** còn nợ nhiều người khác nên ông **T**, bà **T1** xin được trả dần nhưng bà **M** không đồng ý.

Theo khoản 1 điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Việc ông **T**, bà **T1** không trả tiền vay cho bà **M** khi đến hạn là vi phạm cam kết của các bên, nên bà **M** khởi kiện yêu cầu ông **T**, bà **T1** phải trả cho bà số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Huỳnh Thị Phương T1** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn bà **Mai Thị M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Căn cứ:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị M** đối với ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Huỳnh Thị Phương T1** về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**2. Tuyên xử:** Buộc **Nguyễn Thanh T** và bà **Huỳnh Thị Phương T1** phải trả cho bà **Mai Thị M** số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu

cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **3. Về án phí:**

- Ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Phương T1 phải chịu là: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Mai Thị M số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000756 ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Cường**

